

Bản án số: 129/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 14/5/2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp về việc nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Bình

Bà Đỗ Thị Vân

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2020 tại Toà án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý: 89/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/5/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị S, sinh năm 1996

HKTT: Thôn V, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Nơi ở: Thôn N, xã Th, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Lê Hữu Th, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa chị S, anh Th có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/3/2020, các lời khai trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Đỗ Thị S trình bày:

Chị Đỗ Thị S và anh Lê Hữu Th tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn do UBND xã T, huyện H cấp năm 2016. Sau khi cưới, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, nguyên nhân là do anh Th xa vào con đường nghiện ngập ma túy, chị và gia đình có khuyên bảo, động viên nhưng anh Th không cai nghiện được. Nay chị S xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th.

Tại bản tự khai ngày 09/3/2020 và tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 20/4/2020, anh Lê Hữu Th trình bày: Anh và chị Đỗ Thị S kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn do UBND xã T cấp năm 2016. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được đến năm 2018 thì anh đi chấp hành án phạt tù nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nay chị S

làm đơn xin ly hôn anh Th, quan điểm của anh Th là mong muốn vợ chồng được đoàn tụ, nhưng chị S đã cương quyết ly hôn nên anh Th đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị S, anh Th xác định vợ chồng có một con chung là cháu Lê Thị Yến N, sinh ngày 15/10/2016. Chị S xin được trực tiếp nuôi cháu Yến N, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng. Quan điểm của anh Th nếu vợ chồng phải ly hôn, anh xin nhường quyền nuôi con cho chị S.

Về tài sản và công nợ: Chị S và anh Th không yêu cầu tòa án giải quyết.

Xác minh tại Trại giam N, tổng cục VII – Bộ công an ngày 09/3/2020, kết quả xác định đến ngày 09/3/2020, anh Lê Hữu Th đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam N do bị Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H trình bày nhận xét:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn, bị đơn được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Đỗ Thị S được ly hôn anh Lê Hữu Th. Về việc nuôi con chung: Đề nghị HĐXX, giao cháu Lê Thị Yến N cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị S không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị miễn xét. Về tài sản: Chị S và anh Th không yêu cầu nên đề nghị miễn xét

Về án phí: Đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Chị Đỗ Thị S làm đơn khởi kiện xin ly hôn anh Lê Hữu Th và xin được nuôi con, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn - anh Th có địa chỉ tại xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. *Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn:*

Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị S, anh Th là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về Nội dung:

[2.1]. *Về hôn nhân*: Anh Lê Hữu Th và Chị Đỗ Thị S tự nguyện kết hôn và có đăng lý kết hôn tại UBND xã T năm 2016 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân do anh Th nghiện ngập ma túy, và cũng vì ma túy nên phải chấp hành án phạt 24 tháng tù nên vợ chồng mới mâu thuẫn, nay chị S xin ly hôn anh Th, mặc dù anh Th có mong muốn đoàn tụ, nhưng xét thấy cuộc sống hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Đỗ Thị S được ly hôn anh Lê Hữu Th.

[2.2]. *Về con chung*: Chị S và anh Th có một con chung là cháu Lê Thị Yến N, sinh ngày 15/10/2016. Chị S có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con, anh Th đồng ý nhường quyền nuôi con cho chị S. Xét thấy, anh Th và chị S đã thống nhất được người trực tiếp nuôi con nên cần tôn trọng sự tự định đoạt của anh chị. Chị S không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con, anh Th cũng không có ý kiến gì nên hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. *Về tài sản và công nợ*: Chị S và anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. *Về án phí*: Nguyên đơn chị Đỗ Thị S phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, **Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273** của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, khoản 1,3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Đỗ Thị S được ly hôn anh Lê Hữu Th.

2. *Về con chung*: Giao cháu Lê Thị Yến N, sinh ngày 15/10/2016 cho chị Đỗ Thị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Yến N đủ 18 tuổi, anh Lê Hữu Th không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Đỗ Thị S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về

ly hôn đã nộp là 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: AA/2019/0009810 ngày 05/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Chị S đã nộp đủ.

4. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã T;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Ngọc Vân